

Số: 02a/NQ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 6 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM
LẦN THỨ 02/2020**

Ngày 08/6/2020, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục (TBGD) Miền Nam nhiệm kỳ 2020-2025 đã họp phiên thứ nhất và quyết nghị vấn đề sau:

1. Thông qua kết quả họp phiên thứ nhất nhiệm kỳ III (2020-2025) của HĐQT bầu bà Phùng Ngọc Hồng, thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ III (2020-2025) của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam.

2. Thông qua kết quả họp phiên thứ nhất nhiệm kỳ III (2020-2025) của Ban kiểm soát (BKS) bầu ông Nguyễn Thanh Hữu, thành viên BKS giữ chức vụ Trưởng BKS nhiệm kỳ III (2020-2025) của Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam.

3. Bổ nhiệm thành viên Ban điều hành nhiệm kỳ III (2020-2025) gồm các ông, bà có tên sau:

- Bà Đỗ Thị Mai Anh, uỷ viên HĐQT, Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Cảnh Toàn, uỷ viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Lê Quang, Phó Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Mai Hoa, uỷ viên HĐQT, Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán – Tài vụ

4. Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC là đơn vị thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

5. Thông qua Quy chế công bố thông tin nội bộ công ty sửa đổi năm 2020.

6. Cử bà Nguyễn Mai Hoa, uỷ viên HĐQT, Kế toán trưởng, tiếp tục là người đại diện được uỷ quyền công bố thông tin của công ty nhiệm kỳ III (2020-2025).

7. Bổ nhiệm ông Phạm Ngọc Anh Tài, Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính, là người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư kí HĐQT nhiệm kỳ III (2020-2025).

Hội đồng quản trị giao cho Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ hoạt động của công ty./.

Nơi nhận:

- NXBGDVN 'để b/c';
- HĐQT, BKS 'để chỉ đạo';
- Ban TGD-KTT 'để t/h';
- Lưu: TCHC.



Phùng Ngọc Hồng

Số: 01/BB-BKS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 6 năm 2020

BIÊN BẢN HỌP

V/v Bầu trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam

Hôm nay, ngày 08 tháng 6 năm 2020, vào lúc 8h00, tại phòng họp Công ty Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh – 231, Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh; Các thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam nhiệm kỳ 2020-2025 tiến hành họp thông qua việc bầu Trưởng Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự:

1. Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2020-2025):

1. Ông Nguyễn Thanh Hữu – chủ tọa cuộc họp.
2. Ông Phạm Duy Khánh.
3. Bà Mạc Thị Hồng Minh.

2. Thư ký cuộc họp:

Ông Phạm Ngọc Anh Tài – trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính.

II. Nội dung phiên họp:

Bầu Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2020-2025).

III. Diễn biến cuộc họp:

Căn cứ kết quả bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2020-2025) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua, Ban kiểm soát tiến hành họp bầu trưởng Ban kiểm soát như sau:

1. Hình thức bầu: bỏ phiếu kín.

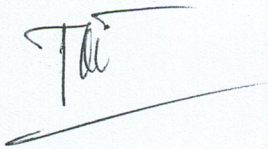


2. Kết quả: Ông Nguyễn Thanh Hữu được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2020-2025) với số phiếu bầu đồng ý 3/3 phiếu, đạt tỷ lệ 100%.

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi thành viên Ban kiểm soát giữ 1 bản, 1 bản lưu tại Công ty Sách và TBGD Miền Nam.


Cuộc họp kết thúc vào lúc 8h30 cùng ngày, biên bản đã được các thành viên trong cuộc họp đọc lại, thống nhất và ký tên.

THƯ KÝ PHIÊN HỌP



PHẠM NGỌC ANH TÀI

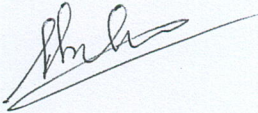
CHỦ TỌA



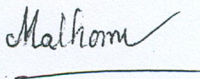
NGUYỄN THANH HỮU

CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- PHẠM DUY KHÁNH



- MẠC THỊ HỒNG MINH



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ TBGD
MIỀN NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:151...../QĐ-HDQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin nội bộ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP SÁCH VÀ TBGD MIỀN NAM

- Căn cứ Quyết định số 3961/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 28/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v tổ chức lại NXBGD thành Công ty mẹ theo mô hình công ty mẹ – công ty con;
- Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-TCNS ngày 16/3/2010 của Tổng Giám đốc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam v/v thành lập mới Công ty cổ phần Sách và TBGD Miền Nam;
- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Nghị quyết số 145/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HDQT ngày 08/6/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam;
- Căn cứ tình hình thực tế tại công ty,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành Quy chế công bố thông tin nội bộ của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam sửa đổi năm 2020 để thực hiện công tác công bố thông tin áp dụng cho công ty đại chúng theo quy định của Bộ Tài chính (Quy chế kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Các ông, bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các tập thể, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- SSC, HNX, VSD 'để b/c';
- Lưu: HC.



Phùng Ngọc Hồng

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN NỘI BỘ CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số ...151.../QĐ-HĐQT
ngày 08/6/2020 của Hội đồng quản trị)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Những căn cứ pháp lí

1. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
2. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
3. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
5. Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
6. Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
7. Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-UBCK ngày 31/3/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
8. Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
9. Căn cứ Tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống quản lí thông tin công ty dành cho công ty niêm yết / đăng kí giao dịch trên sàn HNX (CIMS);
10. Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc công bố thông tin của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các tập thể, cá nhân thuộc công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.
2. Đối tượng áp dụng:
 - a. Người công bố thông tin;

- b. Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
- c. Các tập thể, cá nhân thuộc Công ty gồm: Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kế toán – Tài vụ, Thư kí Hội đồng quản trị.

Điều 3. Kí hiệu viết tắt

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- IDS PLUS: Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDK / HNX: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- CIMS: Hệ thống quản lí thông tin công ty của HNX
- VSD: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- TTCKVN: Thị trường chứng khoán Việt Nam
- CBTT: Công bố thông tin
- HĐTV: Hội đồng thành viên
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban kiểm soát
- KSV: Kiểm soát viên
- TGD: Tổng Giám đốc
- PTGD: Phó Tổng Giám đốc
- KTT: Kế toán trưởng
- P.KT-TV: Phòng Kế toán – Tài vụ
- P.TC-HC: Phòng Tổ chức – Hành chính
- BCTC: Báo cáo tài chính
- GCNĐKDN: Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp
- NCLQ: Người có liên quan.

Điều 4. Giải thích thuật ngữ

1. “Công ty” là Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam, giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0309902130, đăng kí lần đầu ngày 02/4/2010, đăng kí thay đổi lần thứ 7 vào ngày 09/02/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
2. “Công ty Miền Nam” là Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam.
3. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam.
4. “Công ty mẹ” là NXBGDVN.

5. “Người nội bộ” là:

- a. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, KSV, thành viên Ban kiểm toán nội bộ;
- b. TGD, PTGD hoặc các chức danh tương đương do ĐHĐCD hoặc HĐQT bổ nhiệm, cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty kí kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- c. Giám đốc tài chính, KTT, Trưởng Phòng Kế toán – Tài vụ, người phụ trách kế toán;
- d. Người đại diện pháp luật, người được uỷ quyền CBTT.

6. “Người CBTT” là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền CBTT. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền CBTT công bố.

7. “Người có liên quan” cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán, gồm:

- a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
- b. Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
- c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
- d. Người quản lý doanh nghiệp, người nội bộ;
- e. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu cổ phần góp vốn hay cổ phần chi phối;
- f. Cá nhân được uỷ quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản này;
- g. Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
- h. Nhóm người thoả thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty;
- i. Tổ chức mà trong đó cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc TGD, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
- j. Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
- k. Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

8. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty và người quản lý doanh nghiệp tư nhân, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp doanh, Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Chủ tịch công ty, Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty kí kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.

9. “Ngày CBTT” là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT quy định tại Điều 6 Quy chế này.

10. “Ngày báo cáo về việc CBTT” là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc CBTT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

11. “Dữ liệu điện tử dùng CBTT” là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

12. “Bản scan văn bản dùng CBTT” phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

13. “Văn bản hợp lệ” là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- a. Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ kí của cá nhân;
- b. Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm họ tên, chức vụ, chữ kí của người có thẩm quyền, đóng dấu.

14. “Trang thông tin điện tử” là website của Công ty <https://sobee.vn>.

15. “Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng” là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được công ty đại chúng mua lại làm cổ phiếu quỹ.

16. “Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán là tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét BCTC, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

Điều 5. Nguyên tắc CBTT

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng CBTT phải theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố nội dung thay đổi và lí do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

3. Khi CBTT, đối tượng CBTT tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này phải đồng thời báo cáo UBCKNN và HNX về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định;

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Số thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thẻ liên quan đồng ý;

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng CBTT không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và HNX 02 (hai) bản tài liệu, trong đó 01 (một) bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 (một) bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và HNX thực hiện CBTT.



CHƯƠNG II

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 6. Hình thức cung cấp thông tin công bố

Tất cả các thông tin cung cấp phục vụ cho việc CBTT đều được thực hiện bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử đính kèm nội dung theo yêu cầu của UBCKNN, HNX,...

Điều 7. Các nội dung CBTT

1. Các tập thể, cá nhân quy định tại điểm a và c Khoản 2 Điều 2 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục đính kèm Quy chế này.
2. Các tập thể, cá nhân quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 2 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục đính kèm Quy chế này.

Điều 8. Phương tiện CBTT

<i>Stt</i>	<i>Đối tượng tiếp nhận CBTT</i>	<i>Phương tiện CBTT</i>
1	Công ty	Chuyên mục về quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.
2	UBCKNN	Hệ thống CBTT của UBCKNN – IDS Plus
3	SGDCK	Trang thông tin điện tử của HNX – Hệ thống CIMS
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của VSD, báo in, báo điện tử,...

1. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Công ty vẫn thực hiện CBTT trên chuyên mục về quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ; Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT khác theo quy định của pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc;

2. Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, HNX và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

3. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận các dữ liệu trên trang thông tin điện tử;

4. Các thông tin công bố định kì, bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty trong tối thiểu 05 (năm) năm.

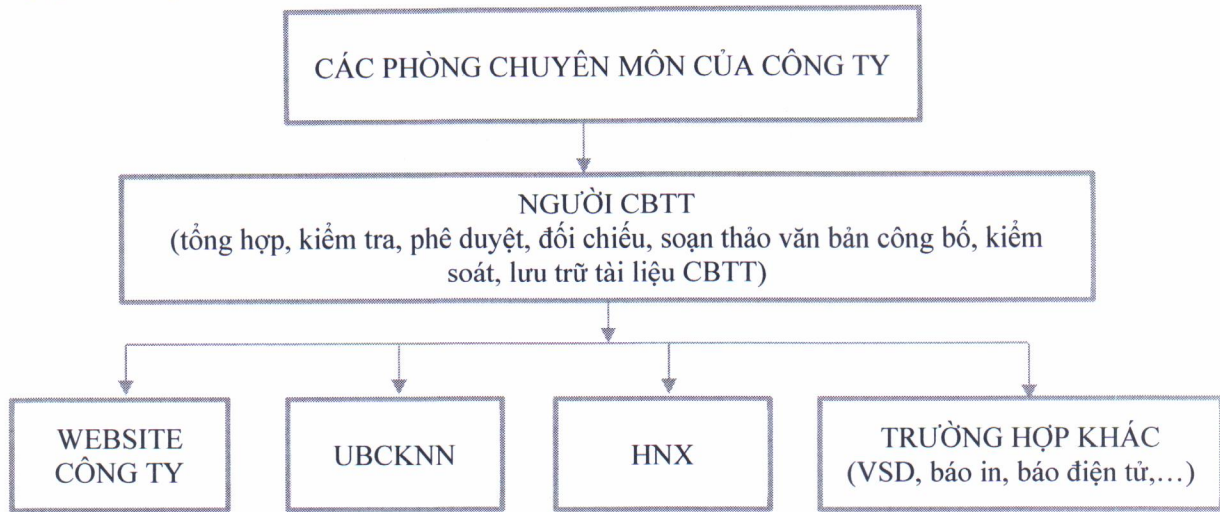
Điều 9. Xử lý thông tin công bố

Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình, tiến hành kiểm tra tính chính xác của các nội dung báo cáo, công bố của các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này; thực hiện đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về CBTT của UBCKNN, HNX; chỉnh sửa hoặc lập báo cáo mới, công bố theo hướng dẫn của UBCKNN, HNX.

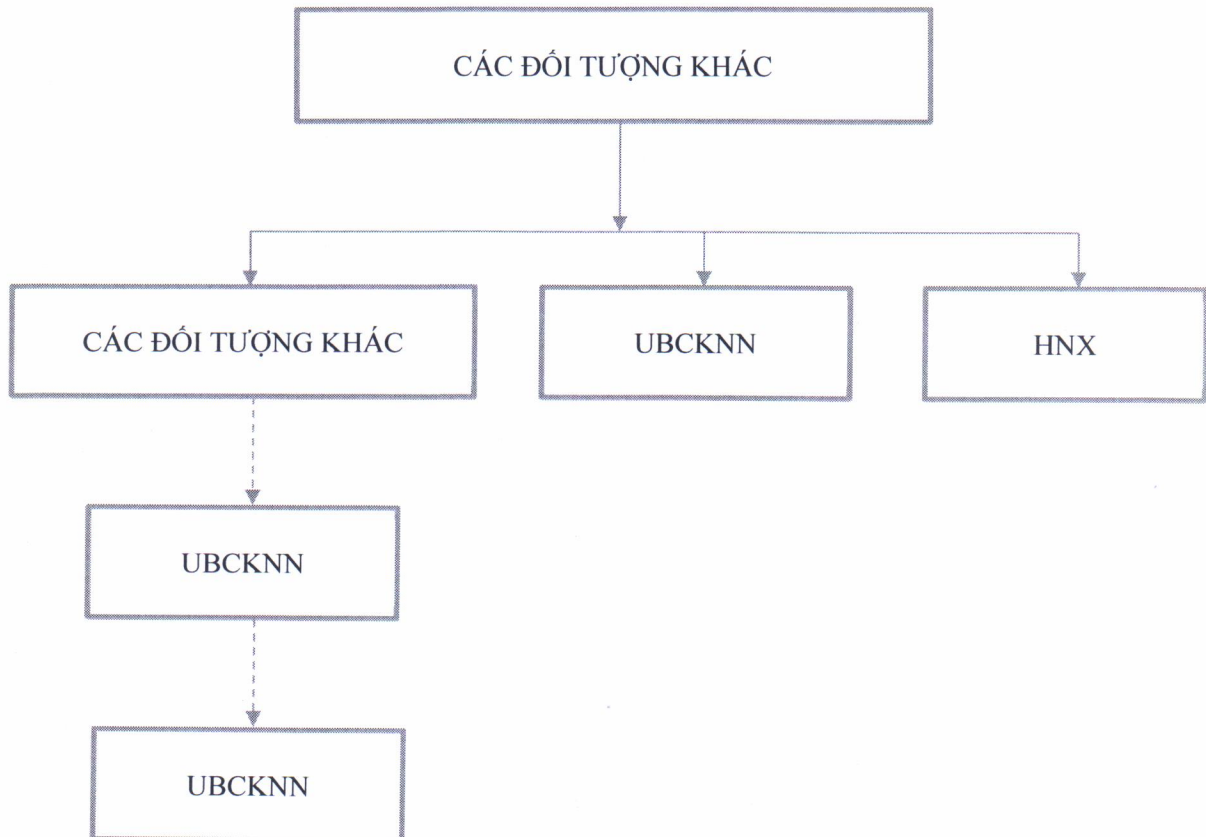
099
CỘ
CỘ
H V
GI
MI
PH

Điều 10. Sơ đồ quy trình công bố thông tin nội bộ

1. Áp dụng cho các tập thể, cá nhân quy định tại điểm a và c Khoản 2 Điều 2 Quy chế này



2. Áp dụng cho các tập thể, cá nhân quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 2 Quy chế này



—————> Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HNX

- - - - -> Người CBTT tiếp nhận thông tin từ đối tượng quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 2 Quy chế này, thực hiện rà soát và CBTT trên website Công ty.

02
T
P
H
A
T
H
O
D
I
C
H
O

Điều 11. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các tập thể, cá nhân theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này

1. Người CBTT chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty với UBCKNN, HNX, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các tập thể, cá nhân được quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này phải ngay lập tức lập báo cáo, công bố theo quy định hiện hành gửi người CBTT hoặc thông báo trực tiếp cho người CBTT. Trưởng các phòng chuyên môn chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người CBTT.

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng chuyên môn có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người CBTT trong vòng 08 (tám) giờ đồng hồ kể từ khi phát sinh sự kiện CBTT.

4. Người CBTT phải giám sát việc CBTT và báo cáo HĐQT kết quả thực hiện.

CHƯƠNG III

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Xử lý vi phạm

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về CBTT được thực hiện theo Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 và Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. TGD có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về CBTT.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của TGD, TGD sẽ báo cáo HĐQT xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định. Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong những trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh.

Điều 14. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này gồm 3 chương, 14 điều, được HĐQT Công ty Miền Nam nhất trí thông qua ngày 11/5/2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

30
Y
H
HẾT
C
M
CHI

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ kí của người đại diện theo pháp luật mới có giá trị./.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ TBGD MIỀN NAM



PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CBTT CHI TIẾT CỦA CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN

<i>Stt</i>	<i>Nội dung CBTT</i>	<i>Thời hạn CBTT</i>	<i>Bộ phận cung cấp</i>
A	CBTT ĐỊNH KỲ		
I	BCTC		
1	BCTC quý	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	P.KT-TV
2	BCTC quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán kí	P.KT-TV
3	BCTC bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán kí nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	P.KT-TV
4	BCTC năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán kí nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	P.KT-TV
	<p><i>BCTC phải CBTT giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kì công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kì năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kì báo cáo bị lỗ hoặc chuyển từ lãi của kì trước sang lỗ ở kì này hoặc ngược lại; - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong BCTC quý 2 đã công bố so với BCTC bán niên được soát xét hoặc tại BCTC quý 4 đã công bố so với BCTC năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại; - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kì báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên. 	CBTT đồng thời với BCTC cần giải trình	P.KT-TV



Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp
II	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN		
6	Báo cáo thường niên	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố BCTC năm đã được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	P.TC-HC
III	BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY		
7	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	P.TC-HC
8	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	P.TC-HC
IV	ĐHĐCĐ		
9	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Thư kí HĐQT
10	Tài liệu họp ĐHĐCĐ	Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Thư kí HĐQT
11	Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ (Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc huỷ niêm yết, công ty phải CBTT về việc huỷ niêm yết kèm theo tỉ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn)	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Thư kí cuộc họp ĐHĐCĐ
V	LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN		
12	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết bằng văn bản	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Thư kí HĐQT
13	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Thư kí HĐQT
14	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ (Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc huỷ niêm yết, công ty phải CBTT về việc huỷ niêm yết kèm theo tỉ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn)	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Thư kí HĐQT
VI	CBTT VỀ HOẠT ĐỘNG CHÀO BÁN VÀ BÁO CÁO SỬ DỤNG VỐN		
15	Nghĩa vụ CBTT trong trường hợp thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng	Thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán	P.KT-TV

02/3
 G TY
 PHÂN
 A TH
 O DỤ
 N NAI
 S HQT

<i>Stt</i>	<i>Nội dung CBTT</i>	<i>Thời hạn CBTT</i>	<i>Bộ phận cung cấp</i>
16	Tiền độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (<i>trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư</i>)	Định kì 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được	P.KT-TV
17	Quyết định thay đổi nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn	Trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, phải báo cáo UBCKNN và CBTT nội dung thay đổi trên cổng thông tin điện tử. Đồng thời, mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại ĐHĐCĐ gần nhất	P.KT-TV
18	Báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận	Công bố tại ĐHĐCĐ hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong BCTC năm được kiểm toán xác nhận	P.KT-TV
VII	CBTT VỀ TỈ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI		
19	CBTT về giới hạn tỉ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan đến tỉ lệ sở hữu này	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	P.KT-TV
VIII	DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG LỚN		
20	Danh sách cổ đông Nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/7 (<i>căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/6</i>)	P.TC-HC
21	Danh sách cổ đông Nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo (<i>căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12</i>)	P.TC-HC



<i>Stt</i>	<i>Nội dung CBTT</i>	<i>Thời hạn CBTT</i>	<i>Bộ phận cung cấp</i>
B	CBTT BẤT THƯỜNG		
22	Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong toả hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong toả, ngoại trừ trường hợp phong toả theo yêu cầu của chính công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
23	Tạm dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
24	Khi nhận được giấy đăng kí doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
25	CBTT về thay đổi nội dung trong giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động <i>Mẫu 05_CBTT/SGDHN</i>	Gửi kèm bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp / giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động thay đổi cho HNX	P.TC-HC
26	Bị đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động, bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
27	Thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng kí chào bán	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
28	Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
29	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
30	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
31	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức, quyết định tách, gộp cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
32	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập), giải thể doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT	Bộ phận cung cấp
33	Quyết định thay đổi tên công ty, con dấu của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
34	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
35	Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
36	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	TGD
37	Quyết định thay đổi kì kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật)	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
38	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã kí hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã kí hợp đồng)	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
39	Doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán BCTC của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
40	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có)	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
41	Ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
42	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết <i>Ngoài việc CBTT theo quy định, phải thực hiện theo mẫu 06_CBTT/SGDHN</i>	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
43	Quyết định đóng cửa chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
44	Quyết định của ĐHCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV

0306
 C
 SÁCH
 G
 N
 THÀNH

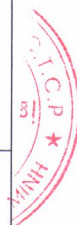
<i>Stt</i>	<i>Nội dung CBTT</i>	<i>Thời hạn CBTT</i>	<i>Bộ phận cung cấp</i>
45	Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
46	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành: - Công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ; - Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua lại cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
47	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ <i>Mẫu 02_CBTT/SGDHN và Mẫu 03_CBTT/SGDHN kèm theo quyết định, nghị quyết về thay đổi nhân sự</i> <i>Công ty gửi bản cứng cho UBCKNN bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi</i>	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
48	Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ <i>Mẫu 04_CBTT/SGDHN và Mẫu 03_CBTT/SGDHN</i>	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	P.TC-HC
49	Nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
50	Nhận được bản án, quyết định của toà án liên quan đến hoạt động công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC

902
NG
PH
VÀ T
LIÊN
PHỐ P

<i>Stt</i>	<i>Nội dung CBTT</i>	<i>Thời hạn CBTT</i>	<i>Bộ phận cung cấp</i>
51	Kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
52	Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của công ty có giá trị từ 30% vốn chủ hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất đã được soát xét Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất đã được soát xét, công ty CBTT về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo BCTC năm gần nhất đã kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
53	Công ty nhận được thông báo của toà án thụ lí đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
54	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV P.TC-HC
55	Vốn chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất đã được soát xét	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
56	Quyết định tăng, giảm vốn Điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
57	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác có giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
58	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận góp vốn trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV

130
 CÔNG TY
 AN
 HIẾT
 HỤC
 NAM
 ĐỒ CHÌ

<i>Stt</i>	<i>Nội dung CBTT</i>	<i>Thời hạn CBTT</i>	<i>Bộ phận cung cấp</i>
59	Quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
60	Được chấp thuận hoặc bị huỷ bỏ niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán nước ngoài	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
61	Sau khi thay đổi kì kế toán, công ty đại chúng công bố BCTC khi thay đổi kì kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán kí	P.KT-TV
62	Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, công ty đại chúng công bố BCTC sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán kí	P.KT-TV
63	Sau khi chia, tách, sáp nhập, công ty đại chúng là doanh nghiệp bị chia, bị tách, hoặc bị sáp nhập công bố BCTC khi chia, tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định pháp luật kế toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán kí	P.KT-TV
64	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	Trong thời hạn 24 giờ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	P.KT-TV P.TC-HC
C	CBTT THEO YÊU CẦU		
65	Theo yêu cầu của UBCKNN, HNX khi: - Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; - Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	Trong thời hạn 24 giờ khi nhận được yêu cầu	P.KT-TV



<i>Stt</i>	<i>Nội dung CBTT</i>	<i>Thời hạn CBTT</i>	<i>Bộ phận cung cấp</i>
D	CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÍ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU		
66	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, HNX, đồng thời CBTT về ngày đăng kí cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan	Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng kí cuối cùng dự kiến	Người CBTT
67	Trường hợp huỷ nội dung thông báo về ngày đăng kí cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỉ lệ thực hiện và ngày đăng kí cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của HNX, CBTT và gửi thông báo cho HNX nêu rõ lí do huỷ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo, nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng kí cuối cùng	P.KT-TV

027
 G T
 HAI
 TH
 O DU
 N NA
 HO

PHỤ LỤC 2

HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. CBTT về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty

- Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải CBTT và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, UBCKNN và HNX theo mẫu số 16 – CDL tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng, giảm tỉ lệ sở hữu cổ phiếu qua ngưỡng 1% phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và HNX theo mẫu số 17 – CDL tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Không áp dụng CBTT đối với trường hợp cổ đông lớn thay đổi tỉ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

- CBTT trên website của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỉ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. CBTT về giao dịch của người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải CBTT và báo cáo UBCKNN, HNX và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu theo mẫu số 18 – GD NNB tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng kí thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có CBTT từ HNX.

Người nội bộ, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ không được đồng thời đăng kí giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng kí và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng kí.

- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng kí) hoặc kết thúc trước thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải báo cáo cho UBCKNN, HNX và Công ty về kết quả giao dịch theo mẫu số 19 – GD NNB tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng kí (nếu có).

- Người nội bộ, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng kí và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

- Trường hợp sau khi đăng kí giao dịch, đối tượng đăng kí giao dịch không còn là người nội bộ, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ, đối tượng đăng kí giao dịch vẫn phải thực hiện báo cáo và CBTT theo quy định.

- Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty, đăng kí giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng kí giao dịch, Công ty phải báo cáo UBCKNN, HNX và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

- Trường hợp công ty mẹ của Công ty hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (Công đoàn, Đoàn thanh niên, ...) thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với người nội bộ.

- Công ty CBTT trên website trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ./.

